

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 27-6-2024
“V/v Tranh chấp về dân sự - hợp
đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Kiêu
Ông Trần Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLST-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Võ Hoàng N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà H, đường M, Tổ A, Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Võ Hoàng N là chị Nguyễn Thị Thu N1, sinh năm 1986; Địa chỉ liên hệ: Số C, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 19/3/2024).

- Bị đơn: Trần Thị Hằng N2, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số nhà I, Tổ E, Ấp D, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Võ Hoàng N là chị Nguyễn Thị Thu N1 có mặt; bị đơn Trần Thị Hằng N2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Võ Hoàng N trình bày trong đơn khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền trình bày tại phiên toà:

Anh N và chị Trần Thị Hằng N2 là chỗ quen biết thân tình lâu năm; ngày 12/10/2022, chị N2 cần tiền làm ăn nên có hỏi mượn anh N số tiền 200.000.000 đồng và hứa sẽ trả lại khi anh cần, nhưng phải cho chị N2 hay trước 30 ngày để chị N2 lo tiền trả lại, do chỗ quen biết nên anh N đồng ý cho chị N2 vay số tiền 200.000.000 đồng và hai bên có làm biên nhận vào ngày 12/10/2022. Sau đó, đến ngày 05/9/2023 do cần tiền nên anh N có thông báo cho chị N2 lo tiền trả lại 200.000.000 đồng, nhưng chị N2 hẹn đến ngày 01/01/2024 sẽ trả, nhưng đến ngày 01/01/2024 chị N2 không trả tiền, anh N đã nhiều lần điện thoại đề nghị trả tiền nhưng chị N2 không trả mà hứa hẹn hết lần này đến lần khác.

Nay anh Võ Hoàng N yêu cầu chị Trần Thị Hằng N2 trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Trần Thị Hằng N2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến, không nộp tài liệu, chứng cứ.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- *Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:* Căn cước công dân Võ Hoàng N (bản sao - chứng thực); Giấy mượn tiền ngày 12/10/2022 (bản chính); Giấy uỷ quyền giữa Võ Hoàng N và Nguyễn Thị Thu N1 19/3/2024 (bản chính).

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn Trần Thị Hằng N2 cung cấp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không có.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên toà, bị đơn Trần Thị Hằng N2 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền vay theo “Giấy mượn tiền đề ngày 12/10/2022”, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền, tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn có địa chỉ tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về áp dụng thời hiệu: Nguyên đơn không có yêu cầu xem xét thời hiệu, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Về nội dung Giấy mượn tiền đề ngày 12/10/2022, Tòa án đã ra Thông báo cung cấp chứng cứ số 138/TBTA ngày 08/5/2024 cho bị đơn Trần Thị Hằng N2 nhưng chị N2 không có văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Võ Hoàng N yêu cầu chị Trần Thị Hằng N2 có trách nhiệm trả số tiền nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, căn cứ yêu cầu là Giấy mượn tiền đề ngày 12/10/2022.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 12/10/2022 bị đơn Trần Thị Hằng N2 có thoả thuận và ký giấy mượn tiền đối với nguyên đơn Võ Hoàng N số tiền là 200.000.000 đồng. Chị N2 cam kết sẽ hoàn trả số tiền đầy đủ khi anh N cần trong vòng 30 ngày. Tuy nhiên, anh N đã nhiều lần yêu cầu chị N2 trả tiền nhưng chị N2 không đồng thực hiện theo thoả thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Thị Hằng N2 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Hoàng N, buộc chị Trần Thị Hằng N2 có trách nhiệm trả số tiền vay là 200.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền đề ngày 12/10/2022”.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Trần Thị Hằng N2 phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Võ Hoàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0009655 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 4, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Hoàng N. Buộc chị Trần Thị Hằng N2 có nghĩa vụ trả cho anh Võ Hoàng N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 12/10/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Hằng N2 phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Hoàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0009655 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thanh Thảo